

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày 19-8-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

2/ Bà Trần Thị Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 300/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2022. Về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

2/ Bà Đặng Thu H, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Nhật T với bà Đặng Thu H là bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khóm 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

Bị đơn: 1/ Ông Trương Văn C, sinh năm 1970 (Có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cùng trú tại: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Nhật T với bà Đặng Thu H và bản tự khai, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Trước đây ông T, bà H là Đại lý thức ăn có bán thức ăn chăn nuôi tôm cho ông C, bà S mua nhiều lần và sau mỗi vụ thu hoạch nuôi tôm có trả tiền cho Đại lý và có mua thức ăn lại để về nuôi tôm mua thành nhiều lần, đến ngày 17/4/2015 hai bên có kết số thì ông C, bà S còn nợ Đại lý Nhật Tân số tiền là 144.513.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm mười ba nghìn đồng), có ghi sổ mua bán và hai bên có làm biên bản xác nhận nợ. Ông C, bà

S hứa sẽ trả dần tiền hằng năm cho đến khi trả hết số tiền còn nợ, nhưng ông bà không có trả tiền. Sau khi kết sổ thì ông C bà S có trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000đồng, có khi trả 2.5000đồng được tổng số tiền là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và còn nợ lại số tiền là 129.513.000đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*) cho đến nay chưa trả. Phía ông T, bà H có yêu cầu ông C, bà S trả tiền nhiều lần nhưng ông bà không trả cho đến nay.

Tại phiên Tòa hôm nay phía nguyên đơn yêu cầu ông C và bà S có nghĩa vụ trả số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm còn nợ là 129.513.000đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật 10%/ năm với thời gian 07 năm với số tiền là 90.650.000đồng. Trước đây khi làm đơn khởi kiện thì ông T, bà H có yêu cầu ông C, bà S trả số tiền 144.513.000đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*). Nay phía ông T bà H xin rút lại một phần yêu cầu tiền vốn là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và một phần tiền lãi.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị S cùng có lời trình bày như sau: Vào những năm 2005 đến năm 2015 ông bà có nuôi tôm và có mua thức ăn tại Đại lý Nhật Tân do ông T và bà H làm chủ Đại lý, thời điểm đó do nuôi tôm có lời nên ông bà có trả tiền cho Đại lý thức ăn Nhật Tân sau mỗi vụ thu hoạch tôm. Vào những năm sau do ô nhiễm nguồn nước và dịch bệnh nên xảy ra tôm chết hàng loạt, từ đó gia đình ông bà phải cầm cố đất ruộng để trả nợ và thiếu tiền con giống, thức ăn tại Đại lý ông Tân số tiền là 144.513.000đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*). Tuy nhiên sau khi ban nhân dân ấp H, xã P giải quyết sự việc tranh chấp này thì ông, bà có trả dần cho Đại lý Nhật Tân được tổng cộng số tiền là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*) hiện tại ông, bà còn nợ số tiền là 129.513.000đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*) chưa trả do hoàn cảnh gia đình hiện khó khăn.

Nay ông, bà thừa nhận còn nợ Đại lý Nhật Tân do ông T và bà H làm chủ Đại lý với số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm là 129.513.000đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*), ông bà đồng ý trả cho ông Tân, bà H số tiền này. Còn phần tiền lãi thì ông, bà không đồng ý trả cho ông T, Bà H do hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn nên ông bà không có khả năng trả thêm tiền lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ kiện nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ và nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý trả số tiền vốn, không đồng ý trả tiền lãi. Các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về phần tiền lãi.

Vị đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện

kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 440 và 443 của Bộ luật dân sự; Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147 và Điều 246 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Nhật T và bà Đặng Thu H số tiền thức ăn nuôi tôm còn nợ là 129.513.000đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*) và tiền lãi theo quy định. Do ông T, bà H yêu cầu mức lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 15.000.000đồng. Ngoài ra Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về nội dung vụ án: Ông C, bà Sáng có nuôi tôm và có mua thức ăn tại Đại lý Nhật Tân do ông T, bà H làm chủ Đại lý và sau khi hai bên kết sổ lại thì ông, bà còn nợ tiền con giống, thức ăn nuôi tôm tại Đại lý Nhật Tân số tiền là 144.513.000đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*). Ông C, bà S thừa nhận có trả dần cho ông T, bà H được tổng số tiền là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và hiện nay còn nợ lại số tiền là 129.513.000đồng chưa trả. Nên nay ông T, bà H yêu cầu ông C, bà S phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 129.513.000đồng và yêu cầu tiền lãi suất là 10%/ năm thời gian 07 năm với số tiền là 90.650.000đồng. Phía ông C, bà S thừa nhận hiện tại còn ông T, bà H số tiền là 129.513.000đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*) ông bà đồng ý trả cho ông T, bà H số tiền này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua lời trình bày của các bên thấy rằng: Các đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 129.513.000đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự về chứng cứ chứng minh, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật, đương sự không phải chứng minh, nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông C, bà S thống nhất trả cho ông T, bà H số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm còn nợ là 129.513.000đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*).

[3] Xét về yêu cầu tính lãi: Ông T và bà H yêu cầu ông C, bà S phải có nghĩa vụ trả tiền lãi 10%/ năm thời gian 07 năm với số tiền là 90.650.000đồng. Hội đồng xét thấy việc ông C và bà S nợ tiền thức ăn của ông T, bà H thì phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông T, bà H theo quy định của pháp luật, ông T, bà H yêu cầu lãi xuất là 10%/ năm phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hiện tại lãi suất quy định 10%/năm, lãi suất thỏa thuận không vượt quá 20% nên số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đến ngày 17 tháng 4 năm 2022 tức 84 tháng:
 $129.513.000\text{đồng} \times 10\%/năm = 90.659.000\text{đồng}$ (*Chín mươi triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng*)

Do tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H xin rút lại một phần yêu cầu tiền vốn là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và một phần tiền lãi là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của Vị kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C và bà S phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 351, 357, 430, 433, 440, 468, 688 của Bộ Luật dân sự;

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 235, 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhật T, bà Đặng Thu H.

[2] Buộc ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Nhật T, bà Đặng Thu H số tiền mua bán thức ăn là 129.513.000đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*) và tiền lãi là 90.659.000đồng (*Chín mươi triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng*). Tổng cộng là: 220.172.000đồng (*Hai trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

[3] Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoảng tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoảng tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 11.008.600đồng (*Mười một triệu không trăm lẻ tám nghìn sáu trăm đồng*).

[5] Ông Nguyễn Nhật T và bà Đặng Thu H không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.142.000đồng (*Sáu triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011073 ngày 11 tháng 5 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu.

[6] Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Liên

